

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 76/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-08-2023
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thu Thủy;

Ông Võ Văn Chanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 29 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Ngọc L, sinh năm: 1982 (xin vắng).

- Bị đơn: Ông Trương Văn Th, sinh năm: 1979 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L trình bày yêu cầu:

Về hôn nhân: Năm 2003, bà L và ông Trương Văn Th tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã TĐ, huyện N, tỉnh Cà Mau. Khi sống chung, vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, ông Th sống không chung thủy, khuyên can nhiều lần nhưng vẫn không thay đổi, ông bà sống ly thân từ đó cho đến nay, trong thời gian sống ly thân cũng không hàn gắn được hôn nhân. Nay thấy

tình cảm không còn nên xin được ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Trương Thị Kim A, sinh ngày 14/9/2003 (nữ), cháu Trương Kiều A, sinh ngày 21/11/2007 (nữ); hiện nay các cháu sống chung với mẹ. Khi ly hôn Kim A đã trưởng thành không đặt ra yêu cầu, cháu Kiều A thì xét nguyện vọng muốn theo ai người đó nuôi không cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trương Văn Th, Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định đương sự không có văn bản trả lời về vụ việc. Tòa án tổng đạt thông báo kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, đương sự vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc L có đơn xin xét xử vắng mặt yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

Bị đơn ông Trương Văn Th được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, áp dụng vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Ngọc L và ông Trương Văn Th cưới nhau năm 2003, theo trích lục kết hôn số 55/2004, ngày 23 tháng 7 năm 2004 của UBND xã TĐ thể hiện ông bà có đăng ký kết hôn, vì vậy quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống, theo trình bày của bà L, ông bà bất đồng quan điểm, nguyên nhân do ông Th không chung thủy nên ông bà sống ly thân, khi sống ly thân cũng không hàn gắn được hôn nhân, nay hết tình cảm xin ly hôn, ông Th không có ý kiến trả lời đối với yêu cầu của bà L. Tòa án thông báo hòa giải 02 lần nhưng ông Th không một lần đến, cho thấy ông Th không có thiện chí hòa giải hàn gắn hôn nhân nên chấp nhận yêu cầu của bà L về việc xin ly hôn, cho bà L được ly hôn với ông Th.

[2] Về con chung: Ông bà có 02 người con chung là cháu Trương Thị Kim A, sinh ngày 14/9/2003 (nữ), cháu Trương Kiều A, sinh ngày 21/11/2007 (nữ). Cháu Kim A đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét; còn cháu Kiều A, bà L có yêu cầu xét nguyện vọng, cháu sống chung với ai thì người đó nuôi dưỡng.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình thì con từ đủ 07 tuổi trở lên phải xem xét nguyện vọng của con; Tòa án làm việc cháu Kiều A có nguyện vọng sống chung với mẹ nếu cha mẹ cháu ly hôn. Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của cháu, giao cháu cho bà L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[3] Về chia tài sản chung và công nợ: Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, đương sự xác định không có tài sản và công nợ chung và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được khấu trừ, án phí nguyên đơn đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc L về việc xin ly hôn với ông Trương Văn Th.

Cho bà Nguyễn Ngọc L được ly hôn với ông Trương Văn Th.

- Về con chung: Giao cháu Trương Kiều A, sinh ngày 21/11/2007 (nữ), cho bà L tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét.

- Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0016152 ngày 15 tháng 6 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn được đối trừ, án phí hôn nhân nguyên đơn đã nộp đủ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”.

Án xử sơ thẩm, các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THA DS huyện Năm Căn;
- UBND xã TĐ, huyện N, tỉnh Cà Mau (CQ thực hiện đăng ký kết hôn);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Ngọc Đính